

UBND XÃ LỢI BÁC

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2026
(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

NỘI DUNG	DỰ TOÁN	NỘI DUNG CHI
TỔNG SỐ THU	106.668,00	TỔNG SỐ CHI
I. Các khoản thu xã hưởng 100%	1.470,00	I. Chi đầu tư phát triển
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ ⁽¹⁾		II. Chi thường xuyên
III. Thu bổ sung	105.198,00	III. Dự phòng
- Bổ sung cân đối	104.297,00	IV. Chi bổ sung có mục tiêu thực hiện các chế độ chính sách theo quy định
- Bổ sung có mục tiêu	901,00	
IV. Thu chuyển nguồn		

Ghi chú: (1) Bao gồm 4 khoản thu từ thuế, lệ phí luật NSNN quy định cho ngân sách xã hưởng và những khoản thu ngân sách địa phương được hưởng trăm (%) cho xã

Biểu số 103/CK TC-NSNN

Đơn vị: Triệu đồng

DỰ TOÁN
106.668,00
1.940,00
101.712,00
2.115,00
901,00

có phân chia theo tỷ lệ phần

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2026
(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

STT	NỘI DUNG	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2025		DỰ TOÁN NĂM 2026		SO SÁ
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN
A	B	1	2	3	4	5=3/1
	TỔNG THU	135.911,81	134.514,02	106.758,00	106.668,00	78,55
I	Các khoản thu 100%	108,05	55,40	140,00	110,00	129,57
	Phí, lệ phí	41,62	29,78	60,00	30,00	144,17
	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác			-		
	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp			-		
	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định			-		
	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định			-		
	Đóng góp của nhân dân theo quy định			-		
	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân			-		
	Thu khác	66,43	25,62	80,00	80,00	120,43
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	1.555,98	210,83	1.420,00	1.360,00	91,26
1	Các khoản thu phân chia			-		
	- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	122,93	122,93	120,00	120,00	97,62
	- Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình			-		
	Thu tiền sử dụng đất	195,49		400,00	340,00	204,61
	- Lệ phí trước bạ nhà, đất	380,15	30,29	500,00	500,00	131,53
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định			-		
	Thuế thu nhập cá nhân	67,98		70,00	70,00	102,97

STT	NỘI DUNG	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2025		DỰ TOÁN NĂM 2026		SỐ SÁ
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN
	Thuế GTGT	789,43	57,62	300,00	300,00	38,00
	Thuế thu nhập DN			30,00	30,00	
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)			-		
IV	Thu chuyển nguồn	753,52	753,52	-		0,00
V	Thu kết dư ngân sách năm trước	25,12	25,12	-		0,00
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	133.469,15	133.469,15	105.198,00	105.198,00	78,82
	- Thu bổ sung cân đối	85.447,40	85.447,40	104.297,00	104.297,00	122,06
	- Thu bổ sung có mục tiêu	48.021,75	48.021,75	901,00	901,00	1,88

\\CK TC-NSNN

Đơn vị: Triệu đồng

ÁNH (%)
THU NSX
6=4/2
79,30
198,54
100,73
312,22
645,05
97,62
1650,63

ÁNH (%)
THU NSX
520,68
78,82
122,06
1,88

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2026
(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025			DỰ TOÁN NĂM 2026			SO SÁNH (%)	
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYỀN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYỀN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN
A	B	1	2	3	4	5	6	7=4/1	8=5/2
	TỔNG CHI	89.663,00	3.799,00	85.864,00	106.668,00	1.940,00	104.728,00	1,19	0,51
	Trong đó								
1	Chi giáo dục	59.835,00		59.835,00	62.358,00		62.358,00	1,04	
2	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ	-			-				
3	Chi y tế	898,00		898,00	3.283,00		3.283,00	3,66	
4	Chi văn hóa, thông tin	43,00		43,00	150,00		150,00	3,49	
5	Chi phát thanh, truyền thanh	-			-				
6	Chi thể dục thể thao	22,00		22,00	60,00		60,00	2,73	
7	Chi bảo vệ môi trường	-			-				
8	Chi các hoạt động kinh tế	4.279,00	3.799,00	480,00	5.030,00	1.940,00	3.090,00	1,18	0,51
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	16.298,00		16.298,00	21.986,00		21.986,00	1,35	
10	Chi an ninh, quốc phòng	1.533,00		1.533,00	1.184,00		1.184,00	0,77	
11	Các nhiệm vụ khác	1.573,00		1.573,00	7.228,00		7.228,00	4,60	
12	Chi cho công tác xã hội	282,00		282,00	1.862,00		1.862,00	6,60	
13	Chi khác	475,00		475,00	511,00		511,00	1,08	
14	Dự phòng ngân sách	359,00		359,00	2.115,00		2.115,00	5,89	
15	Chi bổ sung có mục tiêu thực hiện các chế độ chính sách theo quy định	4.066,00		4.066,00	901,00		901,00	0,22	

-NSNN

)
THƯỜNG XUYỀN
9=6/3
1,22
1,04
3,66
3,49
2,73
6,44
1,35
0,77
4,60
6,60
1,08
5,89
0,22

DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN⁽¹⁾ NĂM 2026
(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị: Triệu đồng

Tên công trình	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện đến 31/12...	Giá trị đã thanh toán đến 31/12/...	Dự toán năm 2026		
		Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân			Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo r Nguồn cân đối ngân sách
TỔNG SỐ						1.940,00		1.940,00
1. Công trình chuyển tiếp								
-								
-								
Trong đó: hoàn thành trong năm								
-								
-								
2. Công trình khởi công mới						1.940,00		1.940,00
Đường GTNT Phai vài-Già nằng						1.940,00		1.940,00
Trong đó: hoàn thành trong năm								
-								

Ghi chú: (1) Theo phân cấp của tỉnh

KẾ HOẠCH THU, CHI CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH KHÁC NĂM 2026
(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

NỘI DUNG	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2025			KẾ HOẠCH NĂM	
	(năm hiện hành)				
	THU	CHI	CHÊNH LỆCH (+) (-)	THU	CHI
TỔNG SỐ					
1. Các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách					
-					
2. Các hoạt động sự nghiệp					
+ Chợ					
+ Bến bãi					

Ghi chú: Chênh lệch (+) thu lớn hơn chi
Chênh lệch (-) thu nhỏ hơn chi

7/CK TC-NSNN

Đơn vị: Triệu đồng

2026
CHÊNH LỆCH (+) (-)

UBND XÃ LỢI BÁC

CÂN ĐỐI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2026
(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

NỘI DUNG	DỰ TOÁN	NỘI DUNG CHI
TỔNG SỐ THU	106.668,00	TỔNG SỐ CHI
I. Các khoản thu xã hưởng 100%	1.470,00	I. Chi đầu tư phát triển
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ ⁽¹⁾		II. Chi thường xuyên
III. Thu bổ sung	105.198,00	III. Dự phòng
- Bổ sung cân đối	104.297,00	IV. Chi bổ sung có mục tiêu thực hiện các chế độ chính sách theo quy định
- Bổ sung có mục tiêu	901,00	

Ghi chú: (1) Bao gồm 4 khoản thu từ thuế, lệ phí Luật NSNN quy định cho ngân sách xã hưởng và những khoản thu ngân sách địa phương được hưởng c
trăm (%) cho xã

Biểu số 108/CK TC-NSNN

Đơn vị: Triệu đồng

DỰ TOÁN
106.668,00
1.940,00
101.712,00
2.115,00
901,00

ó phân chia theo tỷ lệ phần

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2026
(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2026	
		THU NSNN	THU NSX
A	B	3	4
	TỔNG THU	106.758,00	106.668,00
I	Các khoản thu 100%	140,00	110,00
	Phí, lệ phí	60,00	30,00
	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	-	
	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp	-	
	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định	-	
	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định	-	
	Đóng góp của nhân dân theo quy định	-	
	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân	-	
	Thu khác	80,00	80,00
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	1.420,00	1.360,00
1	Các khoản thu phân chia	-	
	- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	120,00	120,00
	- Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình	-	
	Thu tiền sử dụng đất	400,00	340,00
	- Lệ phí trước bạ nhà, đất	500,00	500,00
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	-	
	Thuế thu nhập cá nhân	70,00	70,00
	Thuế GTGT	300,00	300,00
	Thuế thu nhập DN	30,00	30,00
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)	-	
IV	Thu chuyển nguồn	-	
V	Thu kết dư ngân sách năm trước	-	
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	105.198,00	105.198,00
	- Thu bổ sung cân đối	104.297,00	104.297,00
	- Thu bổ sung có mục tiêu	901,00	901,00

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2026
(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2026	
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN
A	B	1=2+3	2
	TỔNG CHI	106.668,00	1.940,00
	Trong đó		
1	Chi giáo dục	62.358,00	
2	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ	-	
3	Chi y tế	3.283,00	
4	Chi văn hóa, thông tin	150,00	
5	Chi phát thanh, truyền thanh	-	
6	Chi thể dục thể thao	60,00	
7	Chi bảo vệ môi trường	-	
8	Chi các hoạt động kinh tế	5.030,00	1.940,00
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	21.986,00	
9.1	Chi quản lý nhà nước	10.368,00	
9.2	Kinh phí báo chí thôn bản	42,00	
9.3	Trợ cấp hàng tháng đối với cán bộ xã nghỉ việc	43,00	
9.4	Chi quản lý hành chính khác	1.000,00	
9.5	Chi cho Đảng cộng sản Việt Nam	7.210,00	
9.6	Chi cho đoàn thể và các tổ chức chính trị, xã hội	3.323,00	
10	Chi an ninh, quốc phòng	1.184,00	
11	Các nhiệm vụ khác	7.228,00	
12	Chi cho công tác xã hội	1.862,00	
13	Chi khác	511,00	
14	Dự phòng ngân sách	2.115,00	
15	Chi bổ sung có mục tiêu thực hiện các chế độ chính sách theo quy định	901,00	

m vị: Triệu đồng

THƯỜNG XUYỀN
3
104.728,00
62.358,00
3.283,00
150,00
60,00
3.090,00
21.986,00
10.368,00
42,00
43,00
1.000,00
7.210,00
3.323,00
1.184,00
7.228,00
1.862,00
511,00
2.115,00
901,00

DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN⁽¹⁾ NĂM 2026
(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: Triệu đồng

Tên công trình	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện đến 31/12...	Giá trị đã thanh toán đến 31/12/...	Dự toán năm 2026		
		Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân			Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo 1 Nguồn cân đối ngân sách
TỔNG SỐ						1.940,00		1.940,00
1. Công trình chuyển tiếp								
Trong đó: hoàn thành trong năm								
2. Công trình khởi công mới						1.940,00		1.940,00
Đường GTNT Phai vài-Già nằng						1.940,00		1.940,00
Trong đó: hoàn thành trong năm								
-								

Ghi chú: (1) Theo phân cấp của tỉnh

KẾ HOẠCH THU, CHI CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH KHÁC NĂM 2026
(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

NỘI DUNG	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2025			KẾ HOẠCH NĂM	
	(năm hiện hành)				
	THU	CHI	CHÊNH LỆCH (+) (-)	THU	CHI
TỔNG SỐ					
1. Các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách					
-					
2. Các hoạt động sự nghiệp					
+ Chợ					
+ Bến bãi					

Ghi chú: Chênh lệch (+) thu lớn hơn chi
Chênh lệch (-) thu nhỏ hơn chi

12/CK TC-NSNN

Đơn vị: Triệu đồng

M 2026

CHÊNH LỆCH (+) (-)
